

Số: 855 /QĐ-SKHCN

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 30/06/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng theo phụ lục đính kèm theo.

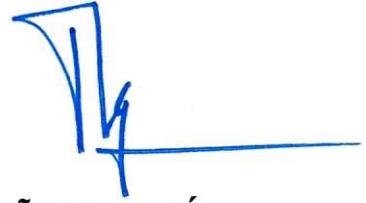
Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, Thủ trưởng cơ quan/đơn vị quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả; tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Phụ trách Kế toán Sở, Trưởng các phòng và Thủ trưởng các cơ quan/đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực III;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'N' followed by a horizontal line and a small flourish.

Nguyễn Cao Thắng

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng

Mã số: 1096687

Mã KBNN nơi giao dịch: 0061

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày tháng 12 năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng)

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU		Chi tiết theo đơn vị sử dụng				
		Tổng số	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Ứng dụng khoa học công nghệ Hải Phòng	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Hải Phòng	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng
A	B	2	4	6	8	10	12
A	TỔNG DỰ TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ, HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP	24.060.000.000	1.275.000.000	45.000.000	3.140.000.000	1.600.000.000	18.000.000.000
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách nhà nước phí, lệ phí	1.320.000.000	1.275.000.000	45.000.000			
1	Số thu phí, lệ phí	1.320.000.000	1.275.000.000	45.000.000			
2	Số phí, lệ phí nộp NSNN	620.000.000	575.000.000	45.000.000			
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại	700.000.000	700.000.000				
3.1	Chi hoạt động của Cơ quan nhà nước	700.000.000	700.000.000				
3.2	Chi sự nghiệp						
II	Tổng số thu học phí, giá dịch vụ và thu khác	22.740.000.000			3.140.000.000	1.600.000.000	18.000.000.000
B	TỔNG DỰ TOÁN CHI NSNN (số sau trừ tiết kiệm 10%)	242.360.000.000	205.699.763.322	9.017.736.678	5.364.000.000	22.278.500.000	
I	Chi hoạt động của Cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể	32.976.000.000	23.958.263.322	9.017.736.678			
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	25.831.951.920	20.254.174.002	5.577.777.918			
1.1	Kinh phí lương theo mức 2,34trđ/tháng, chi thường xuyên và ô tô theo định mức	25.831.951.920	20.254.174.002	5.577.777.918			

STT	CHỈ TIÊU		Chi tiết theo đơn vị sử dụng				
		Tổng số	Văn phòng Sớ Khoa học và Công nghệ	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Ứng dụng khoa học công nghệ Hải Phòng	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Hải Phòng	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng
A	B	2	4	6	8	10	12
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	7.144.048.080	3.704.089.320	3.439.958.760			
2.1	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1.284.079.680	994.120.920	289.958.760			
2.2	Chi chuyên môn nghiệp vụ (Chi tiết theo nghiệp vụ)	5.859.968.400	2.709.968.400	3.150.000.000			
II	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	209.384.000.000	181.741.500.000		5.364.000.000	22.278.500.000	
1	Chi hoạt động thường xuyên	16.001.000.000	-	-	5.364.000.000	10.637.000.000	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.001.000.000	-	-	5.364.000.000	10.637.000.000	
1.1	Kinh phí lương theo mức 2,34trđ/tháng	4.163.213.668				4.163.213.668	
1.2	Kinh phí định mức thường xuyên	1.200.600.000				1.200.600.000	
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	10.308.243.874			5.364.000.000	4.944.243.874	
1.4	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	328.942.458				328.942.458	
2	Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, nghị quyết	193.383.000.000	181.741.500.000			11.641.500.000	
2.1	Nhiệm vụ Khoa học công nghệ	129.891.000.000	129.126.000.000			765.000.000	
2.2	Nhiệm vụ Đổi mới sáng tạo	14.020.000.000	14.020.000.000				
2.3	Kế hoạch duy trì và nâng cao bộ chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương	1.800.000.000	1.800.000.000				
2.4	Nhiệm vụ Phát triển Công nghệ thông tin	47.672.000.000	36.795.500.000			10.876.500.000	
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		0061	0061	0061	0061	0061
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1048865	1052248	1160571	1099165	1109467

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Văn phòng Sở Khoa học và công nghệ

Mã ĐVSĐNS: 1048865

Mã Kho bạc nơi giao dịch: 0061

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày tháng 12 năm 2025

STT	Mã nguồn	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số
A	B	C	D	E	1
I				Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.275.000.000
1				Số thu phí, lệ phí	1.275.000.000
2				Số phí, lệ phí nộp NSNN	575.000.000
3				Chi từ nguồn thu phí được để lại	700.000.000
II				Dự toán chi ngân sách nhà nước	205.699.763.322
1		340	341	Chi quản lý hành chính (Kinh phí chi thường xuyên)	23.958.263.322
1.1	13	340	341	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	20.254.174.002
	13	340	341	Kinh phí lương theo mức 2,34trđ/tháng, chi thường xuyên và ô tô theo định mức	20.254.174.002
1.2	12	340	341	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.709.968.400
	12	340	341	Chi chuyên môn nghiệp vụ (Chi tiết theo nghiệp vụ)	2.709.968.400
				<u>Hạ tầng số và Quản lý chuyên ngành</u>	2.227.500.000
				Triển khai Cuộc thi viết thư quốc tế UPU	70.000.000
				Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về cấp phép trong lĩnh viễn thông	30.600.000
				Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về cấp phép trong lĩnh tần số vô tuyến điện; Hội nghị phổ biến và tập huấn Mạng truyền số liệu chuyên dùng và Mạng Bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước khu vực miền Bắc	91.900.000
				Hoạt động quản lý, thẩm tra hạ tầng viễn thông	13.500.000
				Triển khai công tác phòng, chống thiên tai (Bảo hộ lao động, nhiên liệu...)	31.500.000
				Khảo sát cấp ngoại vi viễn thông	180.000.000
				Đo kiểm chất lượng sóng viễn thông di động trên địa bàn thành phố	1.800.000.000
				Lệ phí duy trì và sử dụng tên miền, địa chỉ IPv6	10.000.000
				Công nghệ thông tin	153.000.000
				Tổ chức Tọa đàm về Chuyển đổi số	63.000.000
				Tổ chức Hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định về trình tự, thủ tục quản lý đầu tư các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước	90.000.000
				Văn phòng Sở	329.468.400
				Kinh phí tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; các hoạt động thi đua khen thưởng của cụm thi đua và học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các địa phương	60.000.000
				Tăng cường nghiệp vụ kế toán và tập huấn	6.000.000
				Chi cho cán bộ làm công tác pháp chế	11.000.000
				Duy trì trang PCI	27.000.000
				Quản trị, bảo trì, bảo dưỡng hợp hệ thống công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật khối Văn phòng Sở	150.000.000
				Đảm bảo phòng cháy, chữa cháy, an ninh quốc phòng	45.000.000
				Triển khai phần mềm Quản lý cán bộ công chức viên chức QLCB.VN	5.500.000
				Phí cập nhật phần mềm MISA MIMOSA.NET online	10.000.000
				Phí gia hạn tra cứu thuvienphapluat	14.968.400
1.3	18	340	341	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	994.120.920

STT	Mã nguồn	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số
A	B	C	D	E	1
2				Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, nghị quyết	181.741.500.000
2.1				Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	143.146.000.000
2.1.1	16	100	108	Quản lý nhà nước về KH&CN	19.320.000.000
				Phòng Hạ tầng số và Quản lý chuyên ngành	1.560.000.000
				<i>Tổ chức Hội đồng xét duyệt phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng sáng kiến cấp thành phố năm 2026</i>	450.000.000
				<i>Xây dựng phần mềm và CSDL quản lý về an toàn bức xạ an ninh nguồn phóng xạ trên địa bàn thành phố HP</i>	550.000.000
				<i>Lập kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp thành phố</i>	200.000.000
				<i>Trang bị các trang thiết bị, công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động sẵn sàng ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn thành phố HP</i>	360.000.000
				Phòng Quản lý công nghệ và Đổi mới sáng tạo	200.000.000
				<i>Thẩm định các dự án đầu tư</i>	100.000.000
				<i>Tập huấn luyện nghiệp vụ, hội đồng</i>	100.000.000
				Chi các hoạt động phục vụ quản lý các chương trình khoa học	3.500.000.000
				<i>Chi tiêu chuẩn các hội đồng, hội thảo khoa học+ Điện nước, xăng dầu... phục vụ hoạt động của hội đồng và các chương trình khoa học</i>	3.500.000.000
				Hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	12.060.000.000
				<i>Phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực TĐC: hội nghị, hội thảo và các hình thức tuyên truyền khác (làm phóng sự, video, báo...)</i>	1.000.000.000
				<i>Khảo sát chất lượng sản phẩm hàng hóa phục vụ công tác quản lý chất lượng trên địa bàn thành phố</i>	200.000.000
				<i>Triển khai áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001 và 18091 trên địa bàn thành phố Hải Phòng (114 xã, phường, đặc khu)</i>	5.000.000.000
				<i>Áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ tiên tiến cho một số bệnh viện, trường học và tổ chức Đảng, đoàn thể trên địa bàn thành phố Hải Phòng</i>	3.600.000.000
				<i>Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về TĐC trên địa bàn TP Hải Phòng (6 lớp x 60tr): đo lường 04 lớp, ISO cho các Sở ban ngành: 02 lớp</i>	360.000.000
				<i>Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ chuyên gia về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng của thành phố đến năm 2030</i>	700.000.000
				<i>Khảo sát thực trạng các phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, trung tâm thử nghiệm kiểm định, giám định nổi bật được công nhận tại Việt Nam</i>	400.000.000
				<i>Chương trình hợp tác quốc tế lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (02 cuộc)</i>	800.000.000
				Chương trình đảm bảo đo lường 996	2.000.000.000
2.1.2	16	100	108	Chi nhiệm vụ khoa học và phát triển công nghệ cấp thành phố, nhiệm vụ thuộc chương trình khoa học công nghệ phục vụ nông thôn mới, chương trình khoa học công nghệ biển.	83.076.594.800
				<i>Các nhiệm vụ cấp chuyển tiếp</i>	36.504.000.000
				<i>Nhiệm vụ cấp mới</i>	42.572.594.800
				<i>Chi nhiệm vụ Đề án Trung tâm vùng trình thủ tướng (chi phí lựa chọn nhà thầu và đề án)</i>	4.000.000.000
2.1.3	16	100	108	Chi Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ	7.267.533.000

STT	Mã nguồn	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số
A	B	C	D	E	1
				Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (03 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2023 (đợt 2) sang năm 2026)	277.533.000
				Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (07 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2025 sang năm 2026)	4.300.000.000
				Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ năm 2026 (dự kiến 10 nhiệm vụ)	2.180.000.000
				Khai thác, vận hành điểm hỗ trợ và tư vấn về sở hữu trí tuệ tại Hải Phòng năm 2026	144.000.000
				Tổ chức Hội nghị tập huấn, phổ biến, nâng cao nhận thức và năng lực về SHTT nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, hình thành văn hoá SHTT trong xã hội	216.000.000
				Tư vấn sửa đổi văn bằng, quy chế quản lý và sử dụng Chỉ dẫn địa lý, Nhân hiệu chứng nhận, Nhân hiệu tập thể	150.000.000
2.1.4	16	100	108	Chi chương trình Đổi mới công nghệ	5.460.000.000
				Quản trị, vận hành Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến năm 2026	300.000.000
				Tổ chức Hội thảo khoa học, trình diễn và kết nối cung cầu công nghệ năm 2026	850.000.000
				Tổ chức các phiên kết nối cung – cầu công nghệ và diễn đàn chuyển giao tri thức năm 2026	1.152.000.000
				Tổ chức 01 đoàn kết nối cung cầu công nghệ, ĐMST tại nước ngoài	886.000.000
				Tổ chức Đoàn khảo sát mô hình xây dựng, quản lý và vận hành hạ tầng khoa học công nghệ tại tỉnh Gia Lai và thành phố Đà Nẵng	115.000.000
				Tư vấn cho 03 doanh nghiệp xây dựng lộ trình chuyển đổi xanh (ESG)	1.657.000.000
				Tổ chức Hội thảo kết nối mạng lưới trí thức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong và ngoài thành phố năm 2026	500.000.000
2.1.5	16	100	108	Chi Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	7.710.000.000
				Nâng cấp, quản lý, vận hành Cổng thông tin Hỗ trợ Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố (startuphaiphong.vn) năm 2026	450.000.000
				Quản lý, vận hành Khu hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của thành phố năm 2026	250.000.000
				Tổ chức Chương trình Hải Phòng - Cà phê khởi nghiệp sáng tạo năm 2026	2.000.000.000
				Tổ chức Techfest Hải Phòng năm 2026 (Techfest HaiPhong 2026)	2.500.000.000
				Tổ chức khoá đào tạo dành cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	250.000.000
				Tổ chức Diễn đàn kết nối Mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo	300.000.000
				Tổ chức Hội thảo quốc tế về đầu tư cho khởi nghiệp	300.000.000
				Tham gia TECHFEST Việt Nam 2026	200.000.000
				Tổ chức Cuộc thi Tìm kiếm tài năng khởi nghiệp sáng tạo thành phố Hải Phòng năm 2026	660.000.000
				Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp tại các trường đại học, cao đẳng	800.000.000
2.1.6	16	100	108	Triển khai kế hoạch MOU với KIST	850.000.000
				Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực	400.000.000
				Hội thảo kết nối cung cầu theo chuyên đề	450.000.000
2.1.7	16	100	108	Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá	10.000.000.000

STT	Mã nguồn	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số
A	B	C	D	E	1
2.1.8	16	100	108	Kế hoạch truy xuất nguồn gốc	6.000.000.000
				Dự toán chi ngân sách nhà nước chưa phân bổ	3.461.872.200
2.2	16	100	108	Kế hoạch duy trì và nâng cao bộ chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương	1.800.000.000
2.3	12	100	121	Các nhiệm vụ phát triển Công nghệ thông tin	36.795.500.000
				Mua bản quyền phần mềm MS Office cho các cơ quan nhà nước thành phố	9.000.000.000
				Thuê Hệ thống báo cáo hiệu năng hoạt động Hạ tầng CNTT	2.000.000.000
				Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1.800.000.000
				Thuê hệ thống Hội nghị truyền hình cho UBND cấp xã (phòng họp nhỏ)	2.000.000.000
				Thuê hệ thống điều hành thông minh IOC	2.000.000.000
				Thuê dịch vụ giám sát an toàn, an ninh thông tin cho Trung tâm dữ liệu của thành phố	3.000.000.000
				Thuê dịch vụ đánh giá an toàn thông tin độc lập cho Trung tâm dữ liệu của tỉnh	2.300.000.000
				Thuê phần mềm Quản lý công việc và theo dõi triển khai thực hiện Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị	1.000.000.000
				Thuê hạ tầng và gia hạn bản quyền phần mềm Trung tâm dữ liệu thành phố.	4.570.000.000
				Thuê dịch vụ Bảo trì thiết bị tại Trung tâm dữ liệu tại Xứ Đông	3.000.000.000
				Thuê phần mềm Quản lý các nhiệm vụ Khoa học, Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.700.000.000
				Mua phần mềm AI hồ sơ	96.000.000
				Xử lý cấp viễn thông vô chủ	1.904.000.000
				Thuê dịch vụ công nghệ thông tin "triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính" và tập huấn khai thác, quản trị vận hành, cài đặt cấu hình	1.425.500.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Mã ĐVSDNS: 1052248

Mã Kho bạc nơi giao dịch: 0061

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày tháng 12 năm 2025
của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng)

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã nguồn	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số
A	B	C	D	B	1
I				Tổng số thu, chi phí, lệ phí	45.000.000
1				Số thu phí, lệ phí	45.000.000
				Lệ phí đăng ký công bố hợp chuẩn hợp quy	45.000.000
2				Số phí, lệ phí nộp NSNN	45.000.000
				Lệ phí đăng ký công bố hợp chuẩn hợp quy	45.000.000
3				Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
II				Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.017.736.678
1				Chi quản lý hành chính (Kinh phí chi thường xuyên)	9.017.736.678
1.1	13	340	341	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.577.777.918
				Kinh phí lương theo mức 2,34trđ/tháng, chi thường xuyên và ô tô theo định mức	5.577.777.918
1.2	12	340	341	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.150.000.000
				- Chi phí công tác kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Chi phí thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng hàng hóa nhập khẩu sau thông quan. - Chi phí phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra nhà nước theo chuyên môn về tiêu chuẩn đo lường chất lượng: chi phí xăng xe, mua mẫu, chi phí thử nghiệm... - Chi thực hiện việc khảo sát chất lượng trên địa bàn địa phương và cảnh báo cho các cơ quan chuyên môn tại địa phương về chất lượng sản phẩm, hàng hóa: xăng xe, mua mẫu, chi phí thử nghiệm...	800.000.000

				- Chi các hoạt động khác + Các hoạt động về TBT + Chi phí công tác phí Hội thảo, Hội nghị của Bộ, ngành, trao đổi học hỏi với các đơn vị tỉnh và thành phố; + Chi phí đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV... + Chi phí phổ biến, tuyên truyền, hội thảo về văn bản pháp luật lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, PCCC... + Chi phí phục vụ công tác Giải thưởng chất lượng Quốc gia hàng năm: hội đồng, tổ thẩm định, công tác phí.... + Chi cho các Hội đồng do Chi cục trừ. + Chi các hoạt động về 5S + Chi tổ chức các lớp đào tạo về việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng và nghiệp vụ kiểm tra cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị. + Chi thực hiện các nhiệm vụ khác....	1.650.000.000
				Chi vận hành, quản trị hệ thống mạng, đường truyền số liệu của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng năm 2026 (đảm bảo an toàn an ninh mạng)	100.000.000
				Tiếp tục chỉnh lý tài liệu của Chi cục, số hóa tài liệu	500.000.000
				Sửa chữa nhỏ nơi làm việc tại Chi cục, sửa xe ô tô....	100.000.000
1.3	18	340	341	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	289.958.760

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Ứng dụng khoa học công nghệ Hải Phòng
Mã ĐVSDNS: 1160571

Mã Kho bạc nơi giao dịch: 0061

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCHN ngày tháng 12 năm 2025
của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng)

STT	Mã nguồn	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số
A	B	C	D	B	1
I				Dự toán phí, lệ phí, hoạt động sự nghiệp	3.140.000.000
1				Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
1.1				Số thu phí, lệ phí	0
1.2				Số phí, lệ phí nộp NSNN	0
1.3				Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
2				Tổng số thu học phí, giá dịch vụ và thu khác	3.140.000.000
II				Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.364.000.000
1	12	100	108	Chi khoa học và công nghệ	5.364.000.000
1.1	12	100	108	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, không giao khoán	5.364.000.000
				Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, gồm: - Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất lúa: Lúa Nếp hương - Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất cây rau màu: Dưa hấu VT007 - Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất cây rau màu: Ngô đường lai Thái ngọt số 2 - Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong thâm canh cây ăn quả ở thời kỳ kinh doanh: Chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN trong chăm sóc và quản lý dịch bệnh trên cây Thanh long - Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi: Giống vịt CT1234 - Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thủy sản: Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nuôi ốc nhồi - Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phổ ánh sáng vào sản xuất hoa và cây ăn quả: Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phổ ánh sáng dùng đèn led trồng cây TR140N1/50W WBU cho cây trồng trong nhà màng, nhà lưới trên địa bàn thành phố Hải Phòng - Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả - Lựa chọn, đề xuất chuyển giao phát triển công nghệ mới phù hợp với điều kiện của thành phố	3.507.000.000
				Lưu giữ, bảo tồn nguồn gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật quý, có giá trị phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen đặc hữu tại thành phố Hải Phòng	1.857.000.000

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông Hải Phòng

Mã ĐVSDNS: 1099165

Mã Kho bạc nơi giao dịch: 0061

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày tháng 12 năm 2025
của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng)

STT	Mã nguồn	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số
A	B	C	D	B	1
I				Dự toán phí, lệ phí, hoạt động sự nghiệp	1.600.000.000
1				Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
1.1				Số thu phí, lệ phí	0
1.2				Số phí, lệ phí nộp NSNN	0
1.3				Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
2				Tổng số thu học phí, giá dịch vụ và thu khác	1.600.000.000
II				Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.278.500.000
1		100	108	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	22.278.500.000
1.1		100	108	Chi hoạt động thường xuyên	10.637.000.000
				Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	10.637.000.000
1.1.1	12	100	108	Kinh phí lương theo mức 2.340.000 đ/tháng	4.163.213.668
1.1.2	12	100	108	Kinh phí định mức thường xuyên	1.200.600.000
1.1.3	12	100	108	Kinh phí chi chuyên môn nghiệp vụ	4.944.243.874
				Chi chuyên môn nghiệp vụ:	
				Xuất bản Bản tin An toàn thông tin thành phố Hải Phòng	132.300.000
				Quản trị, cập nhật Cổng thông tin KH&CN thành phố HP (hpstic.vn)	315.000.000
				Triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở	224.643.874
				Phát triển Mạng lưới thông tin KH&CN TP Hải Phòng	90.000.000
				Quản trị, phát triển hệ thống các CSDL nghiệp vụ tại Trung tâm	55.800.000
				Quản trị, vận hành, cập nhật tin bài trên Cổng an toàn thông tin TP Hải Phòng (antoanthongtinhaiphong.gov.vn)	180.000.000
				Quản trị, vận hành, cập nhật tin bài trên Cổng thông tin Cơ sở dữ liệu thành phố Hải Phòng (haiphonginfo.vn)	72.000.000
				Xây dựng Media tuyên truyền lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS	127.800.000
				Xây dựng nội dung cho ứng dụng smart HP phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp	90.000.000
				Quản trị, vận hành Trung tâm Dữ liệu thành phố	561.600.000
				Bổ sung trang thiết bị dự phòng, phụ trợ (dây âm thanh, dây HDMI, Bộ chuyển đổi tín hiệu hình ảnh.....) cho hệ thống Hội nghị truyền hình thành phố	45.000.000
				Bảo đảm an toàn hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	817.200.000
				Xuất bản và phát hành Bản tin KHCN	656.100.000
				Dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, thống kê, lưu trữ thông tin dữ liệu và quản trị vận hành hạ tầng công nghệ thông tin khoa học công nghệ	1.576.800.000
1.1.4	18	100	108	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	328.942.458
1.2				Các nhiệm vụ, chương trình, đề án, nghị quyết	11.641.500.000
1.2.1	12	100	108	Hoạt động thông tin, thống kê, tuyên truyền KH&CN phục vụ hoạt động chung của các chương trình, kế hoạch	765.000.000
				Quản trị, cập nhật, cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ Hải Phòng	324.000.000
				Xuất bản ebook “Bình dân học vụ số”	324.000.000
				Xây dựng phóng sự 10 sự kiện tiêu biểu của ngành	27.000.000

STT	Mã nguồn	Loại	Khoản	Nội dung	Tổng số
A	B	C	D	B	1
				<i>Tra cứu thông tin phục vụ các hội đồng tư vấn, tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN</i>	<i>90.000.000</i>
1.2.2	12	100	121	Các nhiệm vụ phát triển Công nghệ thông tin	10.876.500.000
				<i>Quản trị, vận hành Hệ thống Hội nghị truyền hình thành phố: Thuê đường truyền Leased Line Internet, ...</i>	<i>500.000.000</i>
				<i>Thuê dịch vụ quản trị, vận hành hệ thống thuộc dự án Chính quyền số</i>	<i>1.764.900.000</i>
				<i>Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Ứng dụng AI nâng cao hiệu quả công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp</i>	<i>783.000.000</i>
				<i>Quản trị vận hành khai thác Chuyên trang CDS thành phố Hải Phòng</i>	<i>180.000.000</i>
				<i>Tập huấn cán bộ, công chức, viên chức tổ công nghệ số cộng đồng trong các cơ quan nhà nước thành phố về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số</i>	<i>1.890.000.000</i>
				<i>Triển khai phong trào "Bình dân học vụ số"</i>	<i>900.000.000</i>
				<i>Tổ chức diễn đàn ngày chuyển đổi số thành phố Hải Phòng</i>	<i>1.800.000.000</i>
				<i>Thuê tư vấn đánh giá đo kiểm phục vụ hợp chuẩn, hợp quy cho Trung tâm dữ liệu</i>	<i>500.000.000</i>
				<i>Duy trì, vận hành Trung tâm dữ liệu của tỉnh tại Trung tâm Văn hóa Xứ Đông</i>	<i>2.558.600.000</i>

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hải Phòng

Mã ĐVSDNS: 1109467

Mã Kho bạc nơi giao dịch: 0061

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày tháng 12 năm 2025
của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng)

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
I	Dự toán phí, lệ phí, hoạt động sự nghiệp	18.000.000.000
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1.1	Số thu phí, lệ phí	0
1.2	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0
1.3	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
2	Tổng số thu học phí, giá dịch vụ và thu khác	18.000.000.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0